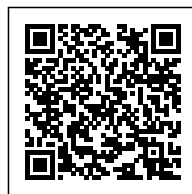


BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO - PHẦN 5



Tri kiến giải thoát thứ tư là tri kiến PHÒNG HỘ SÁU CĂN, tức là sự hiểu biết giữ gìn mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý của mình không cho dính mắc, chấp đắm sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Muốn giữ gìn được như vậy, thì phải sống ĐỘC CƯ trọn vẹn.

Tiếp theo: **Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo - Phần 4**

TÂM VÔ LẬU - MỤC ĐÍCH TU CHỨNG ĐẠO LÀ TÂM VÔ LẬU

Chúng ta hãy lắng nghe các vị đại đệ tử của Phật, mỗi người đều có một kinh nghiệm tu tập khác nhau, không ai tu tập giống ai, nhưng kết quả tâm đều Vô Lậu. Vô Lậu là mục đích mà mọi người tu tập đều phải đạt được, như vậy mới gọi là giải thoát. Ông A Nan trình bày sự tu tập của mình theo đặc tướng như sau:

“Ở đây, này Hiền giả Sariputta, tỳ-kheo nghe nhiều, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lập lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát; vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng với văn cú viên dung, lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên. Này Hiền giả Sariputta, hạng tỳ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Ông A Nan đã trình bày sự hiểu biết tu hành của mình bằng cách nghe nhiều, do ông làm thị giả Phật: Khi nghe Phật thuyết giảng là ông ghi nhận trong tâm từng lời nói, từng ý nghĩa, từng hành động tu tập từ thấp đến cao, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện. Do sự tu tập như vậy, sẽ làm sáng chói khu rừng Gosinga. Theo trình bày của ông A Nan, thì sự tu hành rất căn bản: NGHE, HIỂU, RỒI THỰC HÀNH. Khi ông A Nan trình xong sự tu tập của mình, thì ông Xá Lợi Phất hỏi Tôn giả Revata:

“Này Hiền giả Revata, Tôn giả Ananda đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Revata: Này Hiền giả Revata, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Revata, hạng tỳ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?”.

Tôn giả Revata trình bày chỗ tu tập của mình là GIỮ GÌN TÂM THANH TỊNH BẤT ĐỘNG trong bất cứ giờ nào, ngày nào, chỗ nào cũng ở trong trạng thái KHÔNG TỊCH, thì sẽ làm sáng chói khu rừng Gosinga. Đó là kinh nghiệm tu hành của tôi, xin trình bày cho các tôn giả đang có mặt trong ngôi nhà mát được nghe:

“Ở đây, này Hiền giả Sariputta, tỳ-kheo ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu pháp tịnh chỉ, không gián đoạn tâm thanh tịnh (thiền định), thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch. Này Hiền giả Sariputta, hạng tỳ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Khi nghe xong sự trình bày tu tập của Tôn giả Revata, thì Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi Tôn giả A Na Luật, còn ông tu tập như thế nào?

“Này Hiền giả Anuruddha, Tôn giả Revata đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Anuruddha: Này Hiền giả Anuruddha, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Anuruddha, hạng tỳ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?”.

Tôn Giả A Na Luật trả lời qua kinh nghiệm tu hành của mình:

“Ở đây, này Hiền giả Sariputta, tỳ-kheo, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sariputta, ví như một người có mắt lên trên đỉnh một ngôi lâu tốt đẹp, quán sát một ngàn đường vòng xung quanh. Cũng vậy, này Hiền giả Sariputta, tỳ-kheo, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sariputta, hạng tỳ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Ngài A Na Luật trước khi gặp Phật pháp là người bị mù đôi mắt, nhưng khi gặp chánh pháp của Phật, Ngài nỗ lực tu tập giữ tâm thanh tịnh bất động, và chứng đạt Tâm Bất Động, nên mỗi khi muốn nhìn thấy Ngài đều dùng Thiên nhãn của mình để thấy mọi vật, chớ không còn là đôi mắt thường của chúng ta nữa. Cho nên Ngài trình bày chỉ có người tu tập có cái nhìn thanh tịnh, không bị nhiễm ô các dục, không bị dao động bởi các ác pháp, cái nhìn được như vậy thì sẽ làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe Tôn giả A Na Luật trình bài xong, thì Tôn giả Xá Lợi Phật hỏi Tôn giả Đại Ca Diếp, còn tôn giả tu tập như thế nào?

“Này Hiền giả Kassapa, Tôn giả Anuruddha đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Kassapa: Này Hiền giả Kassapa, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Kassapa, hạng tỳ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?”.

Nghe hỏi như vậy, Tôn giả Đại Ca Diếp trình bày sự tu tập của mình:

“Ở đây, này Hiền giả Sariputta, tỳ-kheo tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi; tự mình sống khổ thực và tán thán đời sống khổ thực; tự mình mặc y phẩn tảo và tán thán hạnh mặc y phẩn tảo; tự mình sống với ba y và tán thán hạnh ba y; tự mình sống thiếu dục và tán thán hạnh thiếu dục; tự mình sống biết đủ và tán thán hạnh biết đủ; tự mình sống độc cư và tán thán hạnh sống độc cư; tự mình sống không nhiễm thế tục và tán thán hạnh không nhiễm thế tục; tự mình tinh cần, tinh tấn và tán thán hạnh tinh cần, tinh tấn; tự mình thành tựu giới hạnh và tán thán sự thành tựu giới hạnh; tự mình thành tựu thiền định và tán thán sự thành tựu thiền định; tự mình thành tựu trí tuệ và tán thán sự thành tựu trí tuệ; tự mình thành tựu giải thoát và tán thán sự thành tựu giải thoát; tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến. Này Hiền giả Sariputta, hạng tỳ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Ngài Đại Ca Diếp trình bày sự tu tập của mình qua các hạnh buông xả của một người xuất gia, ly gia cắt ái, sống không gia đình không nhà cửa, chỉ còn ba y một bát đi xin ăn hằng ngày, ai cho sao cũng ăn được, không chê cũng không khen.

Tự mình thích sống trong rừng núi thanh vắng; tự mình thích sống đi khổ thực; tự mình thích mặc y áo thô xấu; tự mình thích sống ba y một bát,

không thích nhiều đồ; tự mình thích sống thiếu dục tri túc; tự mình thích sống độc cư, không thích nói chuyện với bất một người nào; tự mình thích sống không đắm nhiễm thế tục; tự mình thích sống siêng năng; tự mình thích sống giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh; tự mình thích sống tinh tấn giữ gìn tâm BẤT ĐỘNG, THANH THẢN, AN LẠC và

VÔ SỰ; tự mình thích sống với tri kiến giải thoát. Sống như ngài Đại Ca Diếp như vậy là đã giải thoát chứng đạo rồi, còn gì mà không làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi ngài Đại Ca Diếp trình bày xong, thì ngài Xá Lợi Phất hỏi Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, còn kinh nghiệm tu hành của Ngài như thế nào?

“Hiền giả Moggallana, Tôn giả Mahakassapa đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Mahamoggallana: Nay Hiền giả Moggallana, khả ái thay khu rừng Gosinga!... (như trên)... Nay Hiền giả Moggallana, hạng tỳ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?”.

Khi nghe Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi như vậy, thì Tôn giả Đại Mục Kiền Liên trả lời như sau:

“Ở đây, này Hiền giả Sariputta, hai tỳ-kheo đàm luận về Abhidhamma (A-tỳ-đàm). Các vị ấy hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, các vị trả lời được với nhau chớ không dừng lại (không trả lời được), và cuộc đàm luận về pháp được tiếp tục. Nay Hiền giả Sariputta, hạng tỳ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Tôn giả Mục Kiền Liên là người đệ nhất thần thông trong các hàng đệ tử của Phật, sao ông không đem ra pháp tu hành nào mà có được thần thông đó? Ở đây, **ông lại đem bộ luận A Tỳ Đàm ra luận bàn, thì chúng tôi tin rằng đây không phải là ông Mục Kiền Liên trả lời**, mà là người sau thêm vào để hạ bệ các hàng đệ tử của Phật. Luận A Tỳ Đàm là một bộ sách lý luận, chớ đâu phải là những hành động tu tập thanh tịnh làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Ở đây, chúng ta không được ngài Mục Kiền Liên trình bày sự tu tập như thế nào để trở thành một người đệ tử đệ nhất thần thông của Phật, nhưng chúng ta cũng biết, thần thông đệ nhất đều xuất phát từ tâm BẤT ĐỘNG. Dù muốn dù không, thì ngài Mục Kiền Liên phải sống trong tâm BẤT ĐỘNG suốt trong bảy ngày đêm thì mới gọi là đệ nhất thần thông.

Khi Tôn giả Đại Mục Kiền Liên trả lời xong, liền hỏi lại Tôn giả Xá Lợi Phất, còn Ngài tu hành như thế nào?

“Hiền giả Sariputta, chúng tôi đã trả lời theo sự giải thích của chúng tôi. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Sariputta: Nay Hiền giả Sariputta, khả ái thay khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trăng, cây Ta-la trở hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Nay Hiền giả Sariputta, hạng tỳ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?”.

Nghe hỏi như vậy, tôn giả Xá Lợi Phất trình bày sự tu tập của mình để huynh đệ cùng nghe:

“Ở đây, này Hiền giả Moggallana, tỳ-kheo điều phục được tâm, không phải tỳ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Hiền giả Moggallana, ví như một vị vua hay vị đại thần của vua, có một tủ áo đựng đầy những áo có nhiều màu sắc khác nhau. Cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi sáng, nhà vua mặc cặp áo

ấy vào buổi sáng; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi trưa, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi trưa; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi chiều, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi chiều. Cũng vậy, này Hiền giả Moggallana, tỳ-kheo điều phục được tâm, không phải tỳ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào tỳ-kheo ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào tỳ-kheo ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị tỳ-kheo ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Này Hiền giả Moggallana, hạng tỳ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Sự trình bày tu tập của ông Xá Lợi Phất nhiếp tâm và an trú tâm, muốn hỏi nào đều làm được hỏi nấy:

1- Tỳ-kheo điều phục được tâm, không phải tỳ-kheo không điều phục được tâm.

2- An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều.

Khi trình bày sự tu tập cho mọi người nghe xong, thì Tôn giả Xá Lợi Phất đề nghị các tôn giả nên đem đến hỏi Phật qua kinh nghiệm tu hành của mình đúng, sai, để đức Phật chỉnh sửa lại. Lời đề nghị quá hợp lý, nên mọi tôn giả đều rủ nhau đến chỗ Phật để thưa hỏi cho cặn kẽ. Nhất là mọi vị đều thuật lại những công phu tu hành của mình cho đức Phật nghe.

Sau khi nghe xong các tôn giả trình bày, đức Phật chỉ trả lời ngắn gọn, mà không phê bình một tôn giả nào tu tập sai pháp cả, có nghĩa là đức Phật chấp nhận các tôn giả đều tu tập đúng, nhưng có điều là các ông không khéo trả lời, chỉ thẳng tâm **BẤT ĐỘNG**.

Đạo Phật tu hành rất đơn giản, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có cầu kỳ như các tôn giả trình bày pháp tu tập.

Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật trả lời pháp môn tu hành một cách đơn giản:

“Này Sariputta, tất cả đều lần lượt khéo trả lời. Và này các ông hãy nghe Ta nói, hạng tỳ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga? Ở đây, này Sariputta, tỳ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khất thực về, ngồi kiết già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt, và nghĩ rằng: **“Ta sẽ không bỏ ngôi kiết già này, cho đến khi tâm của ta được khéo giải thoát các lậu hoặc, không có chấp thủ”**. Này Sariputta, hạng tỳ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Lời dạy của đức Phật tu hành rất đơn giản: “Ta sẽ không bỏ ngôi kiết già này, cho đến khi tâm của ta được khéo giải thoát các lậu hoặc, không có chấp thủ”.

Quý vị có nghe lời dạy này không? Tu hành chỉ cần ngồi kiết già, hay bán già, rồi khéo tác ý để giữ tâm giải thoát các lậu hoặc, và không để tâm dính mắc chỗ nào cả, tức là không chấp thủ. Tu tập có như vậy, mà quý vị sao bị chấp thủ quá nhiều, nào là tâm hết vọng tưởng; nào là tâm thanh tịnh; nào là khinh an hỷ lạc; nào là hơi thở nhẹ nhàng; nào là vui mừng hết cỡ; nào

là xúc động rơi nước mắt; nào là kiến tánh thành Phật; nào là niệm Phật nhất tâm; nào là biết vọng liền buông; nào là tham công án, tham thoại đầu, v.v... Tất cả những tâm niệm này là **TÂM CHẤP THỦ**.

Tu tập ở đây đức Phật dạy rất đơn giản, chỉ ngồi kiết già lưng thẳng, rồi giữ tâm không lậu hoặc và không để tâm dính mắc một cái gì khác. Xin quý vị lưu ý: **GIỮ TÂM KHÔNG LẬU HOẶC không có nghĩa là giữ tâm không vọng niệm**, mà **GIỮ TÂM KHÔNG GIẶN HỒN, THƯƠNG,**

GHÉT, LO BUỒN, SỢ HÃI, v.v... Ở đây có nghĩa là **TÂM THANH THẢN, AN LẠC** và **VÔ SỰ**. Đức

Phật xác định pháp môn tu tập thật đơn giản, còn các vị đệ tử trình bày pháp môn tu tập quá khó khăn và rất phức tạp.

MƯỜI MỘT TRI KIẾN GIẢI THOÁT

Tu theo Phật giáo là bắt đầu tu tập pháp ly dục, ly bất thiện pháp, mà ly dục ly, bất thiện pháp là phải dùng tri kiến, nhưng tri kiến phàm phu không thể giải thoát được, vì thế phải sử dụng tri kiến giải thoát, nhưng tri kiến giải thoát thì phải học tập. Trong đạo Phật có mười một tri kiến giải thoát. Bởi vậy người nào muốn tu theo Phật giáo để được giải thoát đều phải học những tri kiến này. Vậy mười một tri kiến giải thoát này như thế nào?

Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật giải thích mười một tri kiến giải thoát để mọi người cùng

hiểu biết rõ ràng hơn, để áp dụng vào con đường tu tập của mình đến nơi, đến chốn, để kết quả đạt được tâm **BẤT ĐỘNG** hoàn toàn.

TRI KIẾN GIẢI THOÁT THỨ I

Đây là tri kiến giải thoát thứ nhất, chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: *“Tri kiến giải thoát thứ nhất: Chư tỳ-kheo, thế nào là tỳ-kheo không biết rõ các sắc? Ở đây, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo đối với sắc pháp, không như thật biết tất cả loại sắc thuộc bốn đại và sắc do bốn đại hợp thành. Như vậy, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo không biết rõ các sắc”*.

Câu này đức Phật dạy rất rõ, nói đến sắc là phải hiểu: **SẮC** do **BỐN ĐẠI** hợp thành, không có sắc nào mà ngoài bốn đại mà có được. Vậy sắc do bốn đại hợp thành là gì?

Bốn đại là **ĐẤT, NƯỚC, GIÓ, LỬA**. Một vị tỳ kheo tu theo Phật giáo mà không hiểu **SẮC** là do **ĐẤT, NƯỚC, GIÓ, LỬA** hợp thành thì không phải là vị tỳ kheo đệ tử Phật.

Một người hiểu rõ sắc là do bốn đại hợp thành, mà sắc hợp thành là pháp **VÔ THƯỜNG**, mà vô thường là khổ. Do hiểu biết như vậy, nên người ấy không dính mắc và không chấp đắm vào **SẮC**, tức là không chấp đắm vào thân tứ đại. **Không chấp đắm vào THÂN TỨ ĐẠI là người có tri kiến giải thoát thứ nhất.**

TRI KIẾN GIẢI THOÁT THỨ II

Đây là tri kiến giải thoát thứ hai, chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: *“Tri kiến giải thoát thứ hai: Chư tỳ-kheo, thế nào là tỳ-kheo không khéo phân biệt các tướng? Ở đây, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo không như thật biết kẻ ngu và nghiệp tướng của người đó, kẻ trí và nghiệp tướng của người đó. Như vậy, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo không khéo phân biệt các tướng”*.

Tri kiến thứ nhất nói về SẮC còn ở đây đức Phật dạy tri kiến thứ hai nói về NGHIỆP TƯỚNG. Vậy nghiệp tướng là cái gì?

Như quý vị đều biết, con người ai cũng có thân, nhưng thân do bốn đại: ĐẤT, NƯỚC, GIÓ, LỬA hợp lại mà thành gọi là SẮC THÂN. Nhưng tại sao mọi người lại có sắc thân khác nhau, người có sắc thân to lớn; người có sắc thân nhỏ bé; người có sắc thân đẹp đẽ; người có sắc thân xấu xí; người có sắc thân trắng trẻo; người có sắc thân đen thui, đen thít, v.v... Tất cả những hình tướng sai khác của thân người này không giống với thân người kia đều được gọi là NGHIỆP TƯỚNG.

Cho nên trên sắc thân của mọi người đều có TƯỚNG RIÊNG BIỆT. Vậy tướng riêng biệt của mọi người này từ đâu mà có?

Do từ nghiệp mà có các TƯỚNG RIÊNG này. Vậy nghiệp là cái gì?

NGHIỆP là những hành động của Ý THỨC, của LỜI NÓI, của TAY CHÂN. Ba chỗ này thường là nơi xuất phát nghiệp. Cho nên nghiệp gồm có nghiệp thiện, nghiệp ác.

NGHIỆP THIỆN là những hành động thân, miệng, ý làm việc lành; còn NGHIỆP ÁC là do hành động thân, miệng, ý làm việc ác. Làm việc lành là không làm khổ mình, khổ người; còn làm việc ác là làm khổ mình, khổ người. Cho nên trong đạo Phật xác định rất rõ, thiện ác phân minh không thể lẫn lộn được.

Các tướng riêng biệt của mỗi người khác nhau là do làm thiện nhiều hay làm thiện ít, hoặc làm ác nhiều hay làm ác ít. Do sống ác hay thiện mà tướng có đẹp xấu, có cao thấp, có tật nguyên hay không tật nguyên. Có kẻ ngu lại có người thông minh đó đều do nghiệp mà ra cả.

Tướng theo nghiệp mà có, nên nghiệp đâu thì xác định tướng đấy.

Nhờ có tri kiến về TƯỚNG, nên chúng ta sống trong chánh nghiệp thường làm những điều thiện và tăng trưởng những điều thiện.

Đây là tri kiến về NGHIỆP TƯỚNG, nhờ hiểu biết về NGHIỆP TƯỚNG, nên thân tâm không làm điều ác. Đó là tri kiến giải thoát thứ hai trong đạo Phật.

TRI KIẾN GIẢI THOÁT THỨ III

Đây là tri kiến giải thoát thứ ba. Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: *“Tri kiến giải thoát thứ ba: Chư tà-kheo, thế nào là tà-kheo không trừ bỏ trướng con bọ chết? Ở đây, này các tà-kheo, tà-kheo thọ dụng dục tầm khởi lên, không từ bỏ, không tránh né, không chấm dứt, không làm cho không tồn tại; thọ dụng sân tầm khởi lên... (như trên)... thọ dụng hại tầm khởi lên... (như trên)... thọ dụng các ác, bất thiện pháp khởi lên, không từ bỏ, không tránh né, không chấm dứt, không làm cho không tồn tại. Như vậy, này các tà-kheo, là tà-kheo không trừ bỏ trướng con bọ chết”.*

Nếu một người có tri kiến giải thoát thứ ba này, thì rất thông suốt những tâm niệm ham muốn, những tâm niệm sân hận, những tâm niệm làm khổ mình, làm khổ người. Khi những tâm niệm đó khởi lên, nhất định họ không bao giờ nuôi dưỡng lòng ham muốn, lòng sân hận, lòng làm khổ mình, khổ người. Họ sẽ chấm dứt, diệt ngay những tâm niệm ấy. Những tâm niệm ấy là những tâm niệm đau khổ. Bởi tri kiến giải thoát thứ ba là tri kiến hiểu về LÒNG HAM MUỐN, về LÒNG SÂN GIẬN, về những Ý SUY NGHĨ LÀM KHỔ MÌNH, KHỔ

NGƯỜI. Khi tri kiến hiểu rõ các ác pháp đó, thì khi tâm niệm khởi lên những ác pháp, nó liền diệt và loại trừ ra khỏi tâm.

Tóm lại, chúng ta đã học được ba Tri Kiến Giải Thoát:

- 1- Tri kiến về SẮC THÂN do BỐN ĐẠI hợp thành.
- 2- Tri kiến về NGHIỆP TƯỚNG.
- 3- Tri kiến về DỤC TẦM, SÂN TẦM, HẠI TẦM.

TRI KIẾN GIẢI THOÁT THỨ IV

Kế tiếp, chúng ta học tri kiến thứ tư. Muốn hiểu rõ tri kiến giải thoát thứ tư, thì chúng

ta hãy nghe lời dạy của đức Phật: *“Tri kiến giải thoát thứ tư: Và này các tà-kheo, thế nào là tà-kheo không băng bó vết thương? Ở đây, này các tà-kheo, tà-kheo, khi mắt thấy sắc, nắm giữ tướng chung, nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì làm cho con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên; tà-kheo không tự chế ngự nguyên nhân ấy, không hộ trì con mắt, không thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy nắm giữ tướng chung, nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên; tà-kheo không chế ngự nguyên nhân ấy, không hộ trì ý căn, không thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các tà-kheo, là tà-kheo không băng bó vết thương”.*

Tri kiến giải thoát thứ tư là tri kiến PHÒNG HỘ SÁU CĂN, tức là sự hiểu biết giữ gìn mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý của mình không cho dính mắc, chấp đắm sáu trần: sắc, thanh, hương, vị,

xúc, pháp. Muốn giữ gìn được như vậy, thì phải sống ĐỘC CƯ trọn vẹn. Độc cư là một phương pháp phòng hộ sáu căn đệ nhất. **Người biết sống ĐỘC CƯ là người có tri kiến giải thoát thứ tư.**

(còn tiếp)

Trích từ sách: **Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo** - tác giả **Trưởng lão Thích Thông Lạc**